

Số 12/BC-THNK

Nà Hỡ, ngày 15 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Sơ kết học kỳ I và Phương hướng nhiệm vụ học kỳ II Năm học 2025 – 2026

Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Căn cứ Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 27/2020-TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; của Bộ Giáo dục Đào tạo Thông tư ban hành qui định đánh giá học sinh tiểu học.

Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Công văn số 2166/SGDĐT-GDTrH ngày 28/7/2025 về việc tăng cường thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

- Công văn 1069/QĐ-SGDĐT ngày 23/8/2025 của Sở GDĐT Quyết định Về việc thành lập các Cụm chuyên môn cấp học Tiểu học

- Công văn Số: 2611 /SGDĐT-QLĐT V/v hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với công tác học sinh, sinh viên;

- Công văn Số: 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

- Công văn Số: 223 /UBND-VHXXH của UBND xã Nà Hỡ ngày 05/8/2025 V/v tăng cường thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

- Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND Xã Nà Hỡ Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn xã Nà Hỡ;

Trường PTDTBT Tiểu học Nà Khoa xây dựng Báo cáo sơ kết học kỳ I và Phương hướng nhiệm vụ học kỳ II năm học 2025 – 2026 với các nội dung như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo, sự hỗ trợ của Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân xã Nà Hỳ và các ban ngành, đoàn thể trong việc duy trì sĩ số học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tuy còn gặp nhiều khó khăn về điều kiện công tác nhưng có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề, đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nhà trường từng bước được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; cảnh quan trường lớp ngày càng khang trang, đảm bảo điều kiện tối thiểu phục vụ dạy và học.

Học sinh đa số chăm ngoan, có ý thức đến trường; phụ huynh bước đầu quan tâm, phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục con em, đặc biệt trong công tác duy trì sĩ số và chuyên cần.

Các chế độ, chính sách đối với học sinh và giáo viên vùng khó được triển khai kịp thời, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục trong học kỳ I.

2. Khó khăn

Điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương còn nhiều khó khăn; đời sống của nhân dân chưa ổn định, một bộ phận phụ huynh đi làm ăn xa, việc quan tâm, phối hợp trong quản lý, giáo dục con em còn hạn chế.

Địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt vào mùa mưa; một số học sinh ở xa trường, ảnh hưởng đến tỷ lệ chuyên cần và việc duy trì sĩ số.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ; một số phòng học, phòng chức năng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Đội ngũ giáo viên còn thiếu ở một số môn; giáo viên kiêm nhiệm nhiều công việc, áp lực công tác lớn; việc tham gia bồi dưỡng chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, AI còn gặp khó khăn do điều kiện thực tế.

Một bộ phận học sinh là con em dân tộc thiểu số, khả năng sử dụng tiếng Việt còn hạn chế; kỹ năng học tập chưa đồng đều, phần nào ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục chung.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC KỲ I

1. Công tác tổ chức – quản lý

Nhà trường đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch năm học, kế hoạch học kỳ I phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị; các hoạt động giáo dục được tổ chức đúng tiến độ, đảm bảo mục tiêu đề ra.

Công tác phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được thực hiện tương đối hợp lý; phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động của đội ngũ trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Công tác chỉ đạo, kiểm tra nội bộ trường học được quan tâm thực hiện; kịp thời điều chỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức dạy học và quản lý học sinh, đặc biệt tại các điểm trường lẻ.

Việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường được chú trọng; công tác thông tin, báo cáo được duy trì, đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo và điều hành.

Công tác phối hợp giữa nhà trường với chính quyền địa phương, các ban ngành và phụ huynh học sinh được tăng cường; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, duy trì sĩ số và nề nếp học sinh trong học kỳ I.

2. Quy mô trường, lớp, học sinh (Đầu năm)

Khối lớp	Kế hoạch giao		Thực hiện		Trong đó				Ghi chú
	Lớp	HS	Lớp	HS	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Bán trú	
Khối 1	4	60	4	60	30	60	0	25	
Khối 2	2	63	2	63	27	57	0	34	
Khối 3	4	96	4	96	49	95	0	79	
Khối 4	4	97	4	97	44	96	0	83	
Khối 5	3	86	3	86	43	83	1	75	
Tổng	17	402	17	402	187	391	1	296	

2. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Th.sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác	
CBQL	3	0	0	1	2	0	0	0	
GV	25	9	23	0	25	0	0	0	
NV	9	6	8	0	2	1	0	6	
TPTĐ	1	1	0	0	1	0	0	0	
Tổng	38	21	26	1	30	1	0	6	

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đảm bảo về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, chấp hành tốt các quy định của ngành. Tập thể đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, chủ động khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, tham gia đầy đủ các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn. Tuy nhiên, do điều kiện vùng khó, một số giáo viên còn kiêm nhiệm nhiều công việc, kinh nghiệm giảng dạy học sinh dân tộc thiểu số còn hạn chế.

Một số thầy cô đã đóng góp nhiều thành tích trong hoạt động chuyên môn như: Cô Nguyễn Thị Thư, Bùi Bích Thị, Lò Thị Hạnh, Quảng Văn Toàn.....

Một số thầy cô đã có nhiều thành tích trong các phong trào hoạt động bề nổi tiêu biểu như: Cô Điêu Thị Thanh Huyền, Hoàng Đình Trưởng, Giàng Quán Sùng,... và một số thầy cô khác.

4. Thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục

Nhà trường đã triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo đúng kế hoạch năm học và hướng dẫn của ngành; tổ chức dạy học đảm bảo tiến độ, nội dung theo quy định. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học của giáo viên phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng học sinh vùng đặc biệt khó khăn.

5. Chất lượng giáo dục: Kết quả học kỳ I:

1. Chất lượng giáo dục

	Số	Tổng số	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4					Lớp 5						
			Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số					
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Khu vực	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Lớp ghép	Khu vực	Nữ	Dân tộc		Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu vực	Nữ		Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu vực		
I. Kết quả học tập																													
1. Tiếng Việt	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Hoàn thành tốt		168	24	13	24	13	10		28	11	24	9	4		47	24	47	24		37	17	36	16		32	17	30	15	
Hoàn thành		192	31	15	31	15	12		28	15	27	14	5		39	22	39	22		49	25	49	25		45	23	44	23	1
Chưa hoàn thành		43	6	2	6	2	2		7	1	6	1	2		10	3	9	3		11	2	11	2		9	3	9	3	
2. Toán	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Hoàn thành tốt		168	25	14	25	14	10		25	10	21	8	4		48	24	48	24		38	16	37	15		32	17	30	15	
Hoàn thành		190	30	14	30	14	12		30	16	29	15	5		37	21	37	21		48	26	48	26		45	23	44	23	1
Chưa hoàn thành		45	6	2	6	2	2		8	1	7	1	2		11	4	10	4		11	2	11	2		9	3	9	3	
3. Đạo đức	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Hoàn thành tốt		176	26	14	26	14	10		25	10	21	8	4		46	23	46	23		42	19	41	18		37	20	35	18	
Hoàn thành		202	29	14	29	14	12		34	17	33	16	5		43	24	42	24		50	25	50	25		46	23	45	23	1
Chưa hoàn thành		25	6	2	6	2	2		4		3		2		7	2	7	2		5		5			3		3		
4. Tự nhiên và Xã hội	220	220	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49											
Hoàn thành tốt		95	24	13	24	13	10		25	10	21	8	4		46	23	46	23											
Hoàn thành		108	31	15	31	15	12		34	17	33	16	5		43	24	42	24											
Chưa hoàn thành		17	6	2	6	2	2		4		3		2		7	2	7	2											

5. Khoa học	183	183																	97	44	96	43		86	43	83	41	1
Hoàn thành tốt		69																	37	17	36	16		32	17	30	15	
Hoàn thành		94																	49	25	49	25		45	23	44	23	1
Chưa hoàn thành		20																	11	2	11	2		9	3	9	3	
6. LS&ĐL	183	183																	97	44	96	43		86	43	83	41	1
Hoàn thành tốt		69																	37	17	36	16		32	17	30	15	
Hoàn thành		94																	49	25	49	25		45	23	44	23	1
Chưa hoàn thành		20																	11	2	11	2		9	3	9	3	
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49	97	44	96	43		86	43	83	41	1
Hoàn thành tốt		175	25	13	25	13	10		25	10	21	8	4		46	23	46	23	42	19	41	18		37	20	35	18	
Hoàn thành		208	31	15	31	15	12		36	17	34	16	5		45	24	44	24	50	25	50	25		46	22	45	22	1
Chưa hoàn thành		20	5	2	5	2	2		2		2		2		5	2	5	2	5		5			3	1	3	1	
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49	97	44	96	43		86	43	83	41	1
Hoàn thành tốt		174	24	13	24	13	10		25	10	21	8	4		46	23	46	23	42	19	41	18		37	20	35	18	
Hoàn thành		208	31	15	31	15	12		36	17	34	16	5		45	24	44	24	50	25	50	25		46	22	45	22	1
Chưa hoàn thành		21	6	2	6	2	2		2		2		2		5	2	5	2	5		5			3	1	3	1	
9. Hoạt động trải nghiệm	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49	97	44	96	43		86	43	83	41	1
Hoàn thành tốt		175	24	13	24	13	10		26	10	22	8	4		46	23	46	23	42	19	41	18		37	20	35	18	
Hoàn thành		207	31	15	31	15	12		35	17	33	16	5		45	24	44	24	50	25	50	25		46	22	45	22	1
Chưa hoàn thành		21	6	2	6	2	2		2		2		2		5	2	5	2	5		5			3	1	3	1	
10. Giáo dục thể chất	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49	97	44	96	43		86	43	83	41	1
Hoàn thành tốt		177	26	14	26	14	12		26	10	22	8	4		46	23	46	23	42	19	41	18		37	20	35	18	
Hoàn thành		207	31	15	31	15	12		35	17	33	16	5		45	24	44	24	50	25	50	25		46	22	45	22	1
Chưa hoàn thành		19	4	1	4	1			2		2		2		5	2	5	2	5		5			3	1	3	1	
11. TH-CN (Công nghệ)	279	279													96	49	95	49	97	44	96	43		86	43	83	41	1

Hoàn thành tốt		120												46	23	46	23		39	18	38	17		35	19	33	17		
Hoàn thành		135												40	22	39	22		50	24	50	24		45	22	44	22	1	
Chưa hoàn thành		24												10	4	10	4		8	2	8	2		6	2	6	2		
12. TH-CN (Tin học)	279	279												96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1	
Hoàn thành tốt		120												46	23	46	23		39	18	38	17		35	19	33	17		
Hoàn thành		136												41	23	40	23		50	24	50	24		45	22	44	22	1	
Chưa hoàn thành		23												9	3	9	3		8	2	8	2		6	2	6	2		
13. Ngoại ngữ	403	279												96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1	
Hoàn thành tốt		121												50	25	50	25		38	18	37	17		33	18	31	16		
Hoàn thành		134												40	22	39	22		49	24	49	24		45	22	44	22	1	
Chưa hoàn thành		24												6	2	6	2		10	2	10	2		8	3	8	3		
14. Tiếng dân tộc	403																												
Hoàn thành tốt																													
Hoàn thành																													
Chưa hoàn thành																													
II. Năng lực cốt lõi																													
Năng lực chung																													
Tự chủ và tự học	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		164	24	13	24	13	10		25	10	21	8	4		46	23	46	23		37	17	36	16		32	17	30	15	
Đạt		194	31	15	31	15	12		30	16	29	15	5		39	22	39	22		49	25	49	25		45	23	44	23	1
Cần cố gắng		45	6	2	6	2	2		8	1	7	1	2		11	4	10	4		11	2	11	2		9	3	9	3	
Giao tiếp và hợp tác	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		164	24	13	24	13	10		25	10	21	8	4		46	23	46	23		37	17	36	16		32	17	30	15	
Đạt		194	31	15	31	15	12		30	16	29	15	5		39	22	39	22		49	25	49	25		45	23	44	23	1
Cần cố gắng		45	6	2	6	2	2		8	1	7	1	2		11	4	10	4		11	2	11	2		9	3	9	3	

Giải quyết vấn đề và sáng tạo	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		164	24	13	24	13	10		25	10	21	8	4		46	23	46	23		37	17	36	16		32	17	30	15	
Đạt		194	31	15	31	15	12		30	16	29	15	5		39	22	39	22		49	25	49	25		45	23	44	23	1
Cần cố gắng		45	6	2	6	2	2		8	1	7	1	2		11	4	10	4		11	2	11	2		9	3	9	3	
Năng lực đặc thù																													
Ngôn ngữ	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		168	24	13	24	13	10		28	11	24	9	4		47	24	47	24		37	17	36	16		32	17	30	15	
Đạt		192	31	15	31	15	12		28	15	27	14	5		39	22	39	22		49	25	49	25		45	23	44	23	1
Cần cố gắng		43	6	2	6	2	2		7	1	6	1	2		10	3	9	3		11	2	11	2		9	3	9	3	
Tính toán	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		166	24	13	24	13	10		25	10	21	8	4		48	24	48	24		37	16	36	15		32	17	30	15	
Đạt		192	31	15	31	15	12		30	16	29	15	5		37	21	37	21		49	26	49	26		45	23	44	23	1
Cần cố gắng		45	6	2	6	2	2		8	1	7	1	2		11	4	10	4		11	2	11	2		9	3	9	3	
Tin học	279	279													96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		120													46	23	46	23		39	18	38	17		35	18	33	16	
Đạt		135													41	23	40	23		49	24	49	24		45	23	44	23	1
Cần cố gắng		24													9	3	9	3		9	2	9	2		6	2	6	2	
Công nghệ	279	279													96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		120													46	23	46	23		39	18	38	17		35	18	33	16	
Đạt		134													40	22	39	22		49	24	49	24		45	23	44	23	1
Cần cố gắng		25													10	4	10	4		9	2	9	2		6	2	6	2	
Khoa học	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		164	24	13	24	13	10		25	10	21	8	4		46	23	46	23		37	17	36	16		32	17	30	15	
Đạt		202	31	15	31	15	12		34	17	33	16	5		43	24	42	24		49	25	49	25		45	23	44	23	1
Cần cố gắng		37	6	2	6	2	2		4		3		2		7	2	7	2		11	2	11	2		9	3	9	3	
Thẩm mĩ	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1

Tốt		175	25	13	25	13	10		25	10	21	8	4		46	23	46	23		42	19	41	18		37	20	35	18	
Đạt		208	31	15	31	15	12		36	17	34	16	5		45	24	44	24		50	25	50	25		46	22	45	22	1
Cần cố gắng		20	5	2	5	2	2		2		2		2		5	2	5	2		5		5			3	1	3	1	
Thể chất	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		177	26	14	26	14	12		26	10	22	8	4		46	23	46	23		42	19	41	18		37	20	35	18	
Đạt		207	31	15	31	15	12		35	17	33	16	5		45	24	44	24		50	25	50	25		46	22	45	22	1
Cần cố gắng		19	4	1	4	1			2		2		2		5	2	5	2		5		5			3	1	3	1	
III. Phẩm chất chủ yếu																													
Yêu nước	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		229	35	19	35	19	14		37	17	33	15	6		61	33	61	33		50	25	49	24		46	24	44	22	
Đạt		174	26	11	26	11	10		26	10	24	9	5		35	16	34	16		47	19	47	19		40	19	39	19	1
Cần cố gắng																													
Nhân ái	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		229	35	19	35	19	14		37	17	33	15	6		61	33	61	33		50	25	49	24		46	24	44	22	
Đạt		174	26	11	26	11	10		26	10	24	9	5		35	16	34	16		47	19	47	19		40	19	39	19	1
Cần cố gắng																													
Chăm chỉ	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		216	35	19	35	19	14		37	17	33	15	6		48	24	48	24		50	25	49	24		46	24	44	22	
Đạt		183	26	11	26	11	10		26	10	24	9	5		44	24	43	24		47	19	47	19		40	19	39	19	1
Cần cố gắng		4													4	1	4	1											
Trung thực	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		216	35	19	35	19	14		37	17	33	15	6		48	24	48	24		50	25	49	24		46	24	44	22	
Đạt		183	26	11	26	11	10		26	10	24	9	5		44	24	43	24		47	19	47	19		40	19	39	19	1
Cần cố gắng		4													4	1	4	1											
Trách nhiệm	403	403	61	30	61	30	24		63	27	57	24	11		96	49	95	49		97	44	96	43		86	43	83	41	1
Tốt		216	35	19	35	19	14		37	17	33	15	6		48	24	48	24		50	25	49	24		46	24	44	22	
Đạt		183	26	11	26	11	10		26	10	24	9	5		44	24	43	24		47	19	47	19		40	19	39	19	1

10

6. Các hoạt động giáo dục khác

Nhà trường đã tổ chức và duy trì các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tế. Các phong trào thi đua, hoạt động trải nghiệm (Kéo co, đá bóng, thi nhảy dây,...) được triển khai lồng ghép trong các buổi sinh hoạt tập thể, góp phần rèn luyện kỹ năng và nâng cao ý thức cho học sinh. Tuy nhiên, do điều kiện cơ sở vật chất và kinh phí còn hạn chế, một số hoạt động chưa tổ chức được thường xuyên và đa dạng.

7. Công tác tài chính, cơ sở vật chất

Công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được thực hiện đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch; các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên và học sinh được chi trả kịp thời. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được bổ sung, sửa chữa, đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho hoạt động dạy và học. Tuy nhiên, cơ sở vật chất còn thiếu và chưa đồng bộ; một số hạng mục xuống cấp, trang thiết bị còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Nhà trường cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm của học kỳ I theo kế hoạch đề ra.

Nền nếp dạy và học được duy trì; chất lượng giáo dục nhìn chung ổn định, có chuyển biến tích cực so với cùng kỳ năm học trước.

2. Hạn chế, tồn tại

Một số chỉ tiêu về chất lượng giáo dục chưa đạt kế hoạch do điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, học sinh không đồng đều về trình độ, tỷ lệ chuyên cần đôi lúc chưa ổn định.

Việc tổ chức một số hoạt động giáo dục còn gặp khó khăn do thiếu kinh phí và điều kiện tổ chức; sự phối hợp của một bộ phận phụ huynh chưa thường xuyên.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HỌC KỲ II

1. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc kế hoạch năm học 2025–2026 theo chỉ đạo của các cấp quản lý giáo dục, đảm bảo tiến độ và chất lượng các hoạt động dạy học.

2. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, chú trọng phụ đạo học sinh chưa đạt, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học; phấn đấu giảm tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành nội dung học tập.

3. Tăng cường công tác quản lý, giữ vững kỷ cương, nền nếp trường học; đẩy mạnh giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, an toàn trường học cho học sinh.

4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý, giảng dạy và đánh giá học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

5. Chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ kiểm tra cuối năm, xét hoàn thành chương trình, tổng kết năm học và các hoạt động thi đua theo quy định.

6. Chủ động tham mưu, huy động các nguồn lực để từng bước cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện phục vụ kiểm tra, tổng kết năm học.

7. Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý; thực hiện nghiêm túc kế hoạch năm học, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục.

8. Chú trọng nâng cao chất lượng dạy học thông qua đổi mới phương pháp, tổ chức phụ đạo học sinh chưa đạt, quan tâm học sinh yếu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

9. Duy trì tốt kỷ cương, nề nếp trường học; tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, an toàn trường học; phối hợp chặt chẽ với phụ huynh và chính quyền địa phương trong công tác quản lý học sinh.

10. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, dạy học; khai thác hiệu quả các phần mềm, thiết bị hiện có, phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Trên đây là báo cáo sơ kết học kỳ I và phương hướng nhiệm vụ học kỳ II năm học 2025 – 2026 của trường PTDTBTTH Nà Khoa.

Nơi nhận:

- UBND xã (b/c);
- Các tổ chuyên môn (t/h);
- Lưu VT.



Phan Đức Hiệp